

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 145/2024/DS-PT  
Ngày 27 tháng 6 năm 2024  
V/v Tranh chấp yêu cầu  
hoàn trả tiền bồi thường  
thiệt hại

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Tâm

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Minh Châu;

Ông Nguyễn Phước Hưng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu hoàn trả tiền bồi thường thiệt hại*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 185/2023/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 133/2024/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH H; trụ sở: Số I Đ, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

*Đại diện hợp pháp của Công ty TNHH H:* Ông Lê Hùng T, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 18/12/2022), có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* Công ty TNHH H; trụ sở: Số I Đ, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang, có ông Lê Hùng T đại diện theo ủy quyền, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH H trình bày:*

Ngày 01/01/2018, Công ty TNHH H (viết tắt là Công ty H) với ông Nguyễn Văn G ký hợp đồng lao động, Công ty H thuê ông G làm tài xế xe chở khách và hàng hóa, hình thức thuê là chạy chuyến. Về trách nhiệm Công ty H với ông G thống nhất trong quá trình chở khách và vận chuyển hàng hóa nếu gây tai nạn hoặc vi phạm lỗi bị xử phạt thì ông G hoàn toàn chịu trách nhiệm các khoản xử phạt hoặc bồi thường.

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 22/3/2018, ông G điều khiển xe biển số 67B-00206 lưu thông trên quốc lộ I hướng C - L đã gây tai nạn giao thông cho bà Đào Thị T1, với lỗi tông đuôi xe. Công ty H đã bồi thường thiệt hại cho bà T1 do hành vi vi phạm của ông G, số tiền 136.000.000đồng (trước khi Tòa án xét xử) và 240.000.000 đồng bồi thường theo Bản án số 93/2021/DS-PT ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Do ông G không có thiện chí khắc phục hậu quả bồi thường, không hoàn trả lại cho Công ty H số tiền đã bồi thường cho bà T1, Công ty H yêu cầu ông Nguyễn Văn G phải bồi thường số tiền 376.000.000đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng)

*\* Bị đơn ông Nguyễn Văn G vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, Tòa án không thu thập được lời khai.*

Tại Bản án sơ thẩm số 185/2023/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H

Buộc ông Nguyễn Văn G phải hoàn trả lại cho Công ty TNHH H 181.000.000 đồng (Một trăm tám mươi một triệu đồng) mà Công ty TNHH H đã bồi thường thiệt hại cho bà Đào Thị T1 do hành vi ông Nguyễn Văn G điều khiển xe ô tô biển số 67B-00206 của Công ty TNHH H gây tai nạn cho bà Đào Thị T1 ngày 22/3/2018.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H buộc ông Nguyễn Văn G hoàn trả số tiền 195.000.000đồng mà Công ty TNHH H đã bồi thường cho bà Đào Thị T1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ trả lãi do chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/9/2023, nguyên đơn là Công ty TNHH H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại toàn bộ quyết định của bản án, không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận buộc ông G hoàn trả số tiền 181.000.000 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Ông Lê Hùng T đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo do Công ty H đã nhận được tiền do Công ty B chi trả là

59.000.000 đồng, chỉ yêu cầu ông G hoàn trả lại cho Công ty H số tiền 317.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn G đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm số 185/2023/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Buộc ông G hoàn trả lại cho Công ty H tổng số tiền là 249.000.000 đồng (181.000.000 đồng + 68.000.000 đồng)

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Công ty TNHH H kháng cáo trong thời hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn G đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông G.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Văn G được Công ty TNHH H thuê lái xe ô tô vận chuyển hành khách, hàng hóa theo Hợp đồng lao động ngày 01/01/2018 (thời hạn đến ngày 31/12/2018) và Tờ thỏa thuận ngày 15/01/2018. Trong thời gian hợp đồng, ông G điều khiển xe khách biển số 67B-002.06 lưu thông trên quốc lộ I hướng C - L đã có lỗi gây tai nạn giao thông cho bà Đào Thị T1 vào ngày ngày 22/3/2018.

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú và Bản dân sự phúc thẩm số 93/2021/DSPT ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thì tổng số tiền bà T1 yêu cầu Công ty TNHH H và ông G bồi thường là 959.400.000 đồng. Trong đó, bà T1 đã nhận bồi thường chi phí điều trị và phục hồi sức khỏe do Công ty H bồi thường trước cho bà T1 là 136.000.000 đồng, các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết đối khoản

thiệt hại này. Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử (theo Bản án số 93/2021/DSPT ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang) công nhận sự thỏa thuận của bà T1 và Công ty TNHH H, Công ty H phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà T1 số tiền 240.000.000 đồng. Công ty H đã thi hành xong khoản bồi thường trên. Do ông G không thỏa thuận về việc hoàn trả lại tiền bồi thường cho Công ty H nên Công ty H khởi kiện yêu cầu ông G trả lại số tiền 376.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng lao động về trách nhiệm bồi thường của tài xế nếu để xảy ra va quệt, đôn dít hay va chạm khác do bất cẩn gây ra thiệt hại phải bồi thường và kết quả khám nghiệm hiện trường phù hợp với lời trình bày của ông G tại Biên bản hòa giải ngày ngày 27/12/2019 xác định ông G điều khiển xe ô tô đâm vào đuôi xe mô tô do bà T1 điều khiển gây ra tai nạn làm thiệt hại về sức khỏe và tài sản của bà T1 nên đã xác định trách nhiệm của ông G trong việc hoàn trả cho Công ty H số tiền 240.000.000 đồng mà Công ty H đã thi hành theo Bản án dân sự phúc thẩm số 93/2021/DSPT ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 584, 585, 601 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong đó, cấp sơ thẩm khấu trừ số tiền Công ty B đã đồng ý chi trả cho Công ty H theo hợp đồng bảo hiểm số 003383435 từ ngày 22/8/2017- 21/8/2018 là 59.000.000 đồng, còn lại ông G phải hoàn trả cho Công ty H 181.000.000 đồng.

Xét kháng cáo của Công ty H thấy rằng:

- Cấp sơ thẩm căn cứ vào văn bản trình bày ý kiến ngày 23/6/2023 của Công ty B xác định phía Bảo hiểm Bảo V đã đồng ý và chi trả tiền bảo hiểm cho Công ty H 59.000.000 đồng để khấu trừ vào số tiền ông G trách nhiệm hoàn trả cho Công ty H 240.000.000 đồng còn lại ông G phải hoàn trả cho Công ty H là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty H xác định đã nhận được tiền do Công ty B chi trả là 59.000.000 đồng, nên thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, không yêu cầu xem xét đối với khoản tiền Công ty B đã thanh toán là phù hợp.

- Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu ông G hoàn trả số tiền 136.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định số tiền trên Công ty H tự nguyện thỏa thuận bồi thường với bà T1 mà không có sự đồng ý của ông G, không được xác định là chi phí bồi thường hợp lý trong bản án có hiệu lực.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, số tiền 136.000.000 đồng Công ty H đã bồi thường cho bà T1 là chi phí điều trị, phục hồi sức khỏe. Việc giao nhận tiền do Công ty H giao cho ông G để giao lại cho bà T1 nhiều lần từ ngày 23/3/2018 đến ngày 23/12/2018, có lập biên nhận. Khi bà T1 khởi kiện, Công ty H và ông G đã thống nhất thỏa thuận việc bồi thường, được bà T1 chấp nhận nên Tòa án không yêu cầu các đương sự chứng minh chi phí hợp lý, các đương sự đã thống nhất không yêu cầu xem xét giải quyết đối với số tiền đã bồi thường trên.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2020, đại diện theo ủy quyền của Công ty H là ông Lê Hùng T và ông G cùng thống nhất trình bày: “*Chúng tôi thống nhất là*

*phần thiệt hại bà T1 nêu về số tiền điều trị, phục hồi sức khỏe là 136.000.000 đồng... khoản tiền này đã bồi thường xong cho bà T1...".* Đây là sự thỏa thuận của Công ty H với ông G về việc bồi thường thiệt hại cho bà T1. Do đó, Công ty H và ông G cùng phải có trách nhiệm bồi thường cho bà T1 số tiền 136.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 601 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 12 Nghị Quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H buộc ông Giàu c trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 136.000.000 đồng là chưa xem xét, đánh giá đầy đủ chứng cứ trong vụ án.

Theo nội dung thỏa thuận trên thì Công ty H và ông G cùng có nghĩa vụ bồi thường cho bà T1 số tiền 136.000.000 đồng. Công ty H đã thực hiện bồi thường cho bà T1 số tiền trên nên ông G phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty H  $\frac{1}{2}$  tiền bồi thường là 68.000.000 đồng. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty H, sửa bản án sơ thẩm về phần này và sửa bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Giàu có trách nhiệm hoàn trả lại Công ty TNHH H tổng số tiền 249.000.000 đồng (181.000.000 đồng + 68.000.000 đồng).

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty H phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận (tính trên số tiền 68.000.000 đồng).

Ông Nguyễn Văn G phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải hoàn trả cho Công ty H.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên Công ty H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Công ty H.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 185/2023/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

1. Buộc ông Nguyễn Văn Giàu c1 trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH H tiền bồi thường thiệt hại là: 249.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn G phải chịu 12.450.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Công ty TNHH H phải chịu 3.400.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH H đã nộp 9.400.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003716 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Hoàn trả lại Công ty TNHH H 6.000.000 đồng tạm ứng án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho Công ty TNHH H tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0015348 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- TAND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú ;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thanh Tâm**